

Bản án số: 36/2020/HS-ST
Ngày: 09-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **36/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6** năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thị Thu N; sinh năm: 1973; tại Bà Rịa- Vũng Tàu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc C, sinh năm: 1940 (Đã chết), con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1940 (Đã chết); Gia đình bị cáo có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; chồng Lê Tấn T, sinh năm: 1972; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày **27/02/2020** (Có mặt).

2. Nguyễn Văn T (Ba T), sinh năm: 1982 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Thợ điện; ; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1954; con bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1956 Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình.; vợ Phạm Thị P, sinh năm: 1984; bị cáo có 03 người con (sinh năm 2007, sinh năm 2013, sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/02/2020 (Có mặt).

3. Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1973 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1951; con bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1952. Gia đình bị cáo có 08 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; chồng Mai Văn D (Đã chết). Bị cáo có 03 người con(sinh năm 1989 đã chết, sinh năm 1991, sinh năm 1993).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/02/2020 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Dương Hồng N, sinh năm 1973 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 9 Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/01/2020, tại nhà của Huỳnh Thị Thu N (sinh năm: 1973) thuộc Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Công an huyện Đất Đỏ phối hợp cùng Công an thị trấn Đất Đỏ bắt quả tang bà N đang cộng sổ các con số lô, số đề bán trong ngày 17/01/2020 cho khách vào cuốn tập học sinh. Tang vật thu giữ gồm: 01 cuốn tập học sinh hiệu Tân Vĩnh T, 08 tờ giấy nhỏ (phơi đề); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ và số tiền 1.723.000 đồng. (BL 34, 35).

Qua điều tra bà N khai nhận trong ngày 17/01/2020, N sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ số thuê bao 0797.145.364 nhận tin nhắn ghi số đề của người chơi dựa vào kết quả xổ số trong ngày của đài miền Bắc và đài miền Nam (gồm đài chính Bình Dương; đài phụ Vĩnh Long) để tính tỷ lệ thắng thua, khi nhận tin nhắn đến N sẽ nhắn tin trả lời “Ok”, tức là N đã đồng ý nhận ghi đề. Hình thức ghi đề là ghi đầu đuôi 02 số (số đầu đối chiếu giải có hai con số, đuôi đối chiếu với 02 số cuối của giải đặc biệt) thì 1 ăn 70 lần nếu trúng đài miền Nam, 1 ăn 80 lần nếu trúng đài miền Bắc; Bao lô 02 số đối chiếu với 02 số cuối của tất cả các giải, nếu trúng 1 ăn 70 lần đối với đài miền Nam, 01 ăn 80 lần đối với đài miền Bắc; Bao lô 03 số đối chiếu với các giải có 03 số trở lên (17 giải đối với đài miền Nam, 22 giải đối với đài miền Bắc), nếu trúng 1 ăn 600 lần; Xìu chủ đối chiếu với các giải có 03 con số của giải bảy đài miền Nam và giải sáu đài miền Bắc và 03 số cuối của giải đặc biệt), nếu trúng 1 ăn 600 lần; Đá 02 cặp số, người chơi mua 02 cặp số

có hai chữ số và đối chiếu với 02 số cuối của tất cả các giải, nếu các giải ra cả 02 cặp số đó thì trúng với tỷ lệ 01 ăn 600 lần.

Do hành vi ghi đề của N trong ngày 17/01/2020 bị Công an bắt quả tang sau khi Đài xổ số kiến thiết đài Bình Dương (đài chính) và đài Vĩnh Long (đài phụ) mở thưởng nên phải tính số trúng đối với các đối tượng đánh đề. Riêng đài miền Bắc chưa mở thưởng nên không tính số trúng.

Để khuyến khích người chơi, N cho người chơi tiền hoa hồng nên số tiền thực tế người mua số đề phải trả thấp hơn so với tiền mua số đề. Hành vi ghi đề của N trong ngày 17/01/2020 cụ thể như sau:

N nhận tin nhắn mua đề của Dương Hồng Nhân từ số thuê bao 0937.955.403 đài miền Nam với số tiền 240.000 đồng, do N cho Nhân hưởng tiền hoa hồng nên số tiền Nhân phải trả cho N 190.000 đồng. Như vậy số tiền N và Nhân đánh bạc dưới hình thức ghi số đề là 240.000 đồng. (có bảng chiếc tính kèm theo BL 26, 145 đến 147).

N nhận tin nhắn mua đề của Nguyễn Thị V (N lưu trong điện thoại tên Sang) từ số thuê bao 0366.924.723 đài miền Nam với số tiền 1.920.000 đồng, do N cho V hưởng tiền hoa hồng nên số tiền V phải trả cho N 1.500.000 đồng. V nhắn tin đài miền Bắc với số tiền 635.000 đồng nhưng N chưa trả lời “ok” để nhận đề, sau đó N bị bắt nên việc mua đề đài miền Bắc giữa V và N chưa thực hiện được. Như vậy số tiền N và V đánh bạc dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 1.920.000 đồng. (có bảng chiếc tính kèm theo BL 24, 138 đến 140).

N nhận tin nhắn mua đề của Phạm Thị Thúy H (N lưu trong điện thoại tên Đầu Vàng) từ số thuê bao 0933.426.524 đài miền Nam với số tiền là 210.000 đồng, do N cho H hưởng tiền hoa hồng nên số tiền H phải trả cho N là 170.000 đồng. Như vậy số tiền N và H đánh bạc dưới hình thức ghi số đề là 210.000 đồng. (có bảng chiếc tính kèm theo BL 25, 131 đến 133).

N nhận tin nhắn mua đề của Nguyễn Thị Kim T từ số thuê bao 0901.624.254 đài miền Nam với số tiền là 2.410.000 đồng, do N cho T hưởng tiền hoa hồng nên số tiền T phải trả cho N là 1.910.000 đồng, kết quả T trúng đề là số 68 bao lô với số tiền 7.000.000 đồng. Như vậy số tiền N và T đánh bạc dưới hình thức ghi số đề là 9.410.000 đồng. (có bảng chiếc tính kèm theo BL 120 đến 130).

N nhận tin nhắn mua đề của một người tên K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) từ số thuê bao 0792.698.360 đài miền Nam với số tiền 900.000 đồng. Khanh nhắn tin đài miền Bắc với số tiền 1.350.000 đồng, do N cho K hưởng tiền hoa hồng nên số tiền K phải trả cho N là 1.700.000 đồng. Như vậy số tiền N và K đánh bạc dưới hình thức ghi số đề là 2.250.000 đồng. (có bảng chiếc tính kèm theo BL 62, 65).

Số tiền N dùng vào việc đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với những người nêu trên là: đài miền Nam 12.680.000 đồng (5.680.000 đồng tiền đánh + 7.000.000 đồng tiền thắng) + đài miền Bắc 1.350.000 đồng = 14.030.000 đồng.

Sau đó N giữ lại toàn bộ các số lô, số đề đài miền Bắc với số tiền là 1.350.000 đồng, đài miền Nam với số tiền là 144.000 đồng (bao gồm các con số bao lô: 16, 61, 28 và 69 mỗi số với số tiền 36.000 đồng) để ăn thua trực tiếp với các con bạc. N thắng số tiền 140.000 đồng.

Những số lô, số đề còn lại N chuyển cho Nguyễn Văn T (tên thường gọi là Ba T; sinh năm: 1982; trú Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) qua số 0937.815.657 số tiền 5.536.000 đồng, trúng 6.860.000 đồng. Ngoài những

số đã chuyển, N còn tự mua số lô, số đề trực tiếp với T ở đài miền Nam với số tiền 2.534.000 đồng, trúng 4.550.000 đồng. Số tiền N đánh bạc với T đài miền Nam là 8.070.000 đồng, N trúng 11.410.000 đồng. Như vậy số tiền N và T đánh bạc dưới hình thức ghi số đề là 19.480.000 đồng. (có bảng chiếc tính kèm theo BL 93 đến 114).

Tổng số tiền đánh đề của N là: 14.030.000 + 7.084.000 đồng = 21.114.000 đồng. (có bảng chiếc tính kèm theo BL 62 đến 86).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ, các đối tượng Huỳnh Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên. T khai nhận khi bà N chuyển phôi đề cho T thì T giữ lại để thắng thua với bà N. Cứ 1.000.000 đồng bà N chuyển cho T thì bà N được 70.000 đồng. Qua làm việc các đối tượng đã giao nộp số tiền đánh bạc trái phép trong ngày 17/01/2020 gồm: T 1.910.000 đồng, N 10.470.000 đồng, T 9.358.000 đồng.

Đối với các điện thoại mà các đối tượng sử dụng để đánh đề, do nghe tin bà N bị bắt nên các đối tượng đã vứt bỏ sim và điện thoại của mình nên Công an huyện Đất Đỏ không thu giữ được.

* Về vật chứng:

01 cuốn tập học sinh hiệu Tân Vĩnh T, 08 tờ giấy nhỏ (phôi đề) được lưu theo hồ sơ vụ án.

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, số Emeil 357332088399304 và tổng số tiền 23.461.000 đồng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ lưu giữ chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 04/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ đã truy tố các bị cáo Huỳnh Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố sau khi tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Huỳnh Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim T về tội “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, **s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58** Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thu N **từ 10 đến 12 tháng** tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **từ 08 đến 10 tháng** tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T **từ 06 đến 08 tháng** tù. **Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước** 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, số Emeil 357332088399304 và số tiền 23.461.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các **bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không** người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của **người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án** và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ **sở xác định**: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/01/2020 tại Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Phạm Thị Thu N bị bắt quả tang có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề cho người khác để thu lợi bất chính, tổng số tiền dùng để đánh bạc trong ngày 17/01/2020 là 21.114.000 đồng. Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu T tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015; Nguyễn Văn T có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, tổng số tiền dùng để đánh bạc trong ngày 17/01/2020 là 19.480.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu T tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015; Nguyễn Thị Kim T có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, tổng số tiền dùng để đánh bạc trong ngày 17/01/2020 là 9.410.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu T tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Xét thấy, hành vi của phạm tội của các bị cáo N, T, T là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục riêng, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, các bị cáo N, T, T đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định xét thấy không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, số Emeil 357332088399304. Đây là vật bị cáo dùng vào việc phạm tội nên sung công quỹ nhà nước.

- Tổng số tiền 23.461.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc của các bị cáo tự nguyện nộp nên sung công quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Huỳnh Thị Thu N 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Nguyễn Văn T 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Nguyễn Thị Kim T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành hành án.

Về xử lý vật chứng: **Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:**

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, số Emeil 357332088399304 và tổng số tiền 23.461.000 đồng.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ theo biên bản giao nhận vật chứng số 37/BB ngày 04/6/2020 và Biên lai thu tiền số 0009633 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Huỳnh Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều: 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 09-7-2020**); đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục huyện Đất Đỏ;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nguyễn Xuân Thu